

NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRỊNH THỊ KIM NGỌC*

I. Khái niệm phát triển bền vững và chiến lược phát triển bền vững

1. Lịch sử khái niệm phát triển bền vững

Trái đất xanh của chúng ta đang phải chịu những sức ép rất lớn về môi sinh do chiến lược phát triển kinh tế, dựa trên cơ sở khai thác trên cơ sở khai thác đến cạn kiệt nguồn tài nguyên không được tái tạo của các nước, đặc biệt là các nước tư bản phương Tây, đã buộc loài người phải có tư duy về chiến lược phát triển bền vững. Tuy nhiên về sự phát triển bền vững (PTBV) đã xuất hiện rất sớm trong nhận thức của loài người, thể hiện rõ ở sự thích nghi mưu sinh của các xã hội nguyên thủy. Nhưng phải đến những thập niên cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, lần đầu tiên ý tưởng về *một thế giới phát triển bền vững và cân bằng sinh thái* mới được nhà khoa học người Anh John Stuart Mill (1806 - 1873)¹ chính thức đề xuất. Vài chục năm sau, ý tưởng này được phát triển, chuyển hoá thành hành động và các phong trào xã hội trong giới bảo vệ môi trường ở Tây Âu và Bắc Mỹ, trong đó, có thể kể tới một số tổ chức như: Ủy ban bảo vệ môi trường Canada (thành lập năm 1915), Hội nghị "*Toàn thế giới bảo vệ động vật hoang dã*" họp tại Paris (Pháp) năm 1928 ...

Sau Thế chiến thứ II, trước những nguy cơ về môi trường sinh thái đối với sự sống, nhiều tổ chức quốc tế có uy tín như: UNDP, UNESCO, WHO, FAO và ICSU, đã dành mối quan tâm đặc biệt cho vấn đề này, đồng thời phối hợp đưa ra những chương trình hành động hướng các cộng đồng quốc gia phát triển

* TSKH. Viện Nghiên cứu Con người.

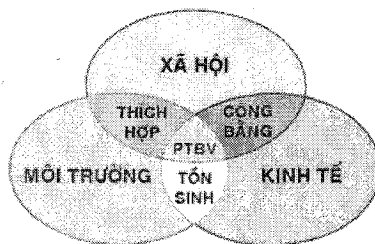
¹ Nhà kinh tế - chính trị học người Anh, một triết gia theo đường lối tự do có ảnh hưởng lớn của thế kỷ XIX. Ông là người tán thành thuyết vị lợi, học thuyết đạo đức do Jeremy Bentham đưa ra lần đầu tiên. Ông cũng là một trong những người đầu tiên trong giới học thuật thừa nhận sự thống nhất giữa phát triển kinh tế với các giới hạn tự nhiên của trái đất.

theo mô hình bền vững. Công trình của UNESCO: *"Thực trạng bảo vệ môi trường thiên nhiên trên thế giới vào những năm 50"* xuất bản năm 1951 và được tái bản vào năm 1954 đã trở thành tài liệu quan trọng của "Hội nghị về môi trường con người" do LHQ tổ chức tại Stockholm (Thụy Điển) năm 1972 và cũng được xem như là "tiền thân" của Báo cáo Brundtland¹ (1987) của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED). Thuật ngữ PTBV trong Báo cáo Brundtland, cho tới nay vẫn được coi là một khái niệm phổ biến nhất: *"Sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai..."*. Sự phát triển như vậy nhấn mạnh quá trình phát triển kinh tế dựa vào nguồn tài nguyên được tái tạo, trên cơ sở tôn trọng những quá trình sinh thái cơ bản, sự đa dạng sinh học và những hệ thống trợ giúp tự nhiên để luôn là môi sinh bền vững cho sự sống con người. Khái niệm PTBV từ đó cũng trở thành khái niệm then chốt giúp các quốc gia xây dựng quan điểm, định hướng, giải pháp tháo gỡ bế tắc trong các vấn đề trong phát triển. Qua nhiều tuyên bố quan trọng sau này, khái niệm then chốt nêu trên tiếp tục được mở rộng và nội hàm của nó không chỉ dừng lại ở nhân tố hình thái, mà còn quan tâm đến các nhân tố xã hội, con người, nó hàm chứa sự tôn trọng bình đẳng giữa các cộng đồng quốc gia không kể giàu nghèo, đồng thời tôn trọng lợi ích giữa các thế hệ.

Hiện nay, phát triển bền vững được đưa vào sử dụng như một khái niệm then chốt trong khoa học về phát triển với nghĩa rộng lớn nhất, thu hút sự quan tâm của các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các đảng phái chính trị, giới học giả cũng như các nhà tư tưởng và các phong trào xã hội.... Trong nhiều diễn đàn tranh luận, mặc dù, không tránh khỏi những ý kiến khác nhau về nội hàm khái niệm, khi một số học giả lại đưa ra nhận định về "tính mơ hồ" của nó. Tuy nhiên, sự phát triển được xem xét trong quá trình vận hành đồng thời cả ba bình diện: kinh tế, xã hội, môi trường. Ở đó, kinh tế tăng trưởng bền vững; xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hóa đa dạng được bảo tồn và phát triển; tài nguyên thiên nhiên được duy trì bền vững..... đã thể hiện rõ những ưu việt của nó, khi mọi lĩnh vực xã hội đều được phát triển hài hòa, sẽ có tác động lẫn nhau trong việc duy trì tính bền vững của phát triển. Và thế đứng "ba chân kiềng" như vậy, theo chúng tôi, có thể coi là nguyên tắc tiên quyết trong hệ thống hoàn chỉnh của các nguyên lý phát triển mang tính nhân văn mà thế giới đương đại cần tính đến (xem hình bên). Chính vì vậy, chúng tôi gọi PTBV không chỉ là một khái niệm đa bình diện và nhiều ý nghĩa, đó còn là một sự phát triển nhân văn vì mục tiêu phát triển con người.

¹ Còn gọi là Báo cáo Về tương lai chung của chúng ta (Our Common Futur (1987)

Tính đa phạm trù của PTBV còn thể hiện ở chỗ, hầu hết các nghiên cứu về PTBV đều được tiếp cận từ nhiều góc độ: lĩnh vực kinh tế, các vấn đề xã hội, lĩnh vực văn hóa hay pháp luật... Hiếm khi thấy nghiên cứu PTBV đặt ra mà không dựa vào một lăng kính phát triển nào. Một số nghiên cứu của các học giả quốc tế dưới đây có thể làm ví dụ. Tổng hợp của các học giả Audrey Akkin, Geraldine Rfoger, Vicent Geronim, Philippe Meral, Patric Schembri¹ về chủ đề nghiên cứu của các ấn phẩm trong khoảng thời gian từ 1971-2001 của Ngân hàng thế giới (WB) cho thấy: trong số trên 14.000 ấn phẩm có sẵn trong ngân hàng dữ liệu mà WB đã ấn hành, chỉ có 14 công trình có nội dung về “phát triển” và “những vấn đề môi trường” thuần túy, phần đông các ấn phẩm còn lại là xem xét PTBV trong chủ đề tham chiếu từ phát triển kinh tế (4.558 tài liệu), trong đó số lượng ấn phẩm về xóa đói giảm nghèo (XĐGN) và thu hẹp bất bình đẳng giữa các cộng đồng quốc gia chiếm tỷ lệ cao nhất với gần 80% ấn phẩm trong đó; về các vấn đề xã hội chiếm 2.960 tài liệu trong đó và về các bình diện khác của phát triển² để hướng tới PTBV.



Mặc dù, cho tới nay chúng tôi chưa tổng hợp được con số chính xác nhất về mặt định lượng các ấn phẩm của WB từ sau năm 2001 cho tới nay, tuy nhiên rà soát riêng trên 100 *Báo cáo Phát triển thế giới* (WDR) được WB ấn hành trên 30 năm qua (1978 - 2009), chúng tôi thấy rõ, mặc dù trong nhiều WDR, thuật ngữ PTBV không được thường xuyên nhắc đến, nhưng nội dung ưu tiên được thể hiện trong đó là về một sự phát triển hài hòa trên mọi phương diện: kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quản lý vĩ mô và điều hành, an sinh và bảo trợ xã hội, tài chính, y tế và sức khỏe... Đồng thời các Báo cáo cũng đã đề cập đến những lợi ích liên thể hệ và luôn ưu tiên cho thể hệ mai sau: *Đầu tư cho lớp trẻ* (WDR 2007), *Bảo vệ các cộng đồng dễ bị tổn thương*,.... Mục tiêu tổng quát mà tất cả các Báo cáo đều thể hiện đó là làm rõ những vấn đề của cuộc sống, để xây dựng giải pháp phát triển vì sự hạnh phúc của con người và sự thịnh vượng của toàn nhân loại. Đây cũng chính là lý do để trong nghiên cứu này chúng tôi xem xét PTBV không chỉ với tư cách là một thuật ngữ, mà là một chiến lược ưu tiên cho sự phát triển toàn cầu. Trong chiến lược phát triển đó, mỗi quốc gia sẽ dựa theo đặc thù kinh tế, xã hội, chính trị, địa lý, văn hóa... riêng của mình, nhằm hoạch định một chiến lược phát triển phù hợp.

¹ Xem Jean Martin (Chủ biên) *Phát triển bền vững? Học thuyết, thực tiễn và đánh giá*. Nxb. Thế giới. 2007.

² Xem phụ lục B. *Ghi nhận về số lượng ấn phẩm về các chủ đề của phát triển bền vững* trong Sdd. Tr. 284

2. Về chiến lược phát triển bền vững

Với khái niệm bản chất nêu trên, theo chúng tôi, có thể coi PTBV là một chiến lược phát triển toàn cầu, mang tính nhân văn sâu sắc. Nhận định đó còn được làm rõ bởi những kiến giải sau đây:

2.1. Ý tưởng PTBV là sự đúc kết những tinh hoa tư tưởng của nhiều thời đại và là chiến lược xuyên suốt lịch sử nhân loại

PTBV không phải là ý tưởng mới như một số học giả vẫn nhận định. Lịch sử tiến hóa của nhân loại đã chứng minh rằng tiền đề của PTBV đã có nguồn gốc từ xa xưa, khi Tổ tiên loài người chỉ biết duy trì sự sống bằng phương thức giản đơn nhất là săn bắn và hái lượm. Trong quá trình tìm kiếm lương thực để bảo tồn theo cách đó, Tổ tiên của chúng ta không hề biết rằng họ đang thực thi một chiến lược thích nghi rất lâu dài tới hàng triệu năm. Kết quả của chiến lược thích nghi dài lâu đó chính là sự hiện diện của con người với năng lực trí tuệ và thể chất đều đã được hoàn thiện và phát triển như ngày nay, con người biết làm chủ công nghệ và vận mệnh của mình.

Về mặt lý luận, trước khi xuất hiện thuật ngữ PTBV, ý niệm về một chiến lược phát triển hài hòa giữa con người và môi sinh đã được đề cập từ hàng ngàn năm trước đây trong triết lý phương Đông và phương Tây cổ đại¹. Phật giáo nguyên thủy đã coi mọi sự vật và hiện tượng trong vũ trụ đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, đồng thời là điều kiện cho sự tồn tại của nhau. Theo quan niệm của Nho gia, con người sống giữa trời đất, vạn vật, nên quan hệ của con người với trời đất là quan hệ "thiên nhân cảm ứng". Quan niệm của Lão Tử về sự hài hòa của con người và trời đất vạn vật chứa đựng hai hàm ý: 1) con người dựa vào thiên nhiên để tồn tại, phát triển, nên "thiên nhân hợp nhất, thiên nhân tương giao" và 2) quan hệ giữa người với người cũng cần một sự thuận hòa, không nên trái với những quy luật tự nhiên và xã hội; Trang Tử cũng đã khẳng định rằng, giữa vật và ta có sự bình đẳng, trời đất cùng sinh với ta, vạn vật với ta là một..... Ở nước ta, tư tưởng về sự hoà hợp giữa con người và tự nhiên cũng đã tồn tại trong tư duy người Việt từ rất sớm.

Khác với phương Đông, quan niệm phương Tây có khuynh hướng tuyệt đối hoá vai trò con người trong mối quan hệ với tự nhiên. Triết học Hy Lạp cổ đại tôn vinh con người, coi *Con người là thước đo của vạn vật* (Protagor); Chủ nghĩa duy lý thế kỷ XVII - XVIII cũng đã nhấn mạnh: *Con người là trung tâm của vũ trụ, là chúa tể của giới tự nhiên*; Còn quan niệm của Kitô giáo là: *Cả thế giới và con người đều là sản phẩm của Chúa sáng tạo ra....., nên con người cũng có khả năng sáng tạo và có quyền thống trị tự nhiên.....* Dưới ảnh hưởng của các triết lý nêu trên, con người đã biến mình thành kẻ "chinh phục" và "tước đoạt" tự nhiên nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất của chính mình....

¹ Xem Jean Martin (Chủ biên) *Phát triển bền vững? Học thuyết, thực tiễn và đánh giá*. Nxb. Thế giới. 2007.

Như vậy, lý giải nêu trên cho thấy rõ, nhận thức về mối quan hệ của con người và tự nhiên, dù theo các khuynh hướng nào cũng đều có nguồn gốc trong nhận thức của loài người rất sớm và cũng đã từng tồn tại trong suốt chiều dài của lịch sử nhân loại. Đó cũng chính là cội nguồn sâu xa của những triết lý nền tảng hướng nhân loại đến một sự phát triển bền vững và tiến bộ không ngừng, chúng tôi gọi đó là cội nguồn lịch sử của chiến lược PTBV.

2.2. PTBV trở thành tiêu điểm quan trọng thu hút sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia trên toàn cầu và là chủ đề trọng tâm cho các diễn đàn quốc tế về phát triển

Cho tới nửa sau của thế kỷ XX, chiến lược PTBV đã được phát triển với những cột mốc quan trọng, với những sự kiện đáng ghi nhớ bởi các hoạt động vì sự phát triển và sự gia tăng tính cấp thiết trên nhiều diễn đàn toàn cầu. Mở đầu là sự ra đời của Câu lạc bộ Rôma (tháng 4/1968) – Câu lạc bộ quốc tế của các nhà khoa học, giới nghiên cứu và hoạch định chính sách, cũng như các nhà lãnh đạo của các quốc gia.... nhằm hỗ trợ các chính phủ nghiên cứu "Những vấn đề của thế giới". Trong nhiều năm qua, một số lượng lớn các công trình nghiên cứu được các nhà khoa học là thành viên của câu lạc bộ đã ấn hành và công bố, từng bước làm rõ những vấn đề của xã hội đương đại như: bùng nổ dân số, sự lạm dụng khai thác tài nguyên cũng như những bất bình đẳng trong sử dụng tài nguyên giữa các quốc gia Trong hơn 30 năm qua, hàng loạt các hội nghị toàn cầu như: Hội nghị thượng đỉnh về “Con người và môi trường” tại Stockholm, Thụy Điển (1972); Hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất (hay còn gọi là Hội nghị về Môi trường và Phát triển) của LHQ (UNCED) tại Rio De Janeiro, Brazil (1992); Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững Johannesburg, Nam Phi (2002); Hội nghị môi trường tại Jeju, Hàn Quốc (2004); Hội nghị Khí hậu toàn cầu tại Bali, Indonesia (2007),... Hội nghị về biến đổi khí hậu họp tại Bonn (Đức) vào giữa tháng 8 năm 2009.... hay Hội nghị về biến đổi khí hậu sẽ diễn ra tại Copenhagen (Đan Mạch) vào tháng 12 sắp tới. Thông qua hàng loạt nghị trình quốc tế, nguyên thủ các quốc gia đã bàn bạc nhằm đi tới một sự thống nhất và cam kết chung, được ghi nhận trong các văn bản quan trọng như: “Chương trình nghị sự 21” (Agenda 21), trong “Tuyên bố chung về các nguyên tắc cơ bản của PTBV”; trong Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs), Nghị định thư Kyoto v.v... Ở mỗi văn bản cam kết, nhân loại lại ghi nhận một sự phát triển và ngày càng sâu sắc hơn trong nhận thức và sự thống nhất cao giữa các chính phủ của hầu hết các quốc gia trong việc thực hiện chiến lược này nhằm mục tiêu vì hạnh phúc và một cuộc sống bình yên cho nhân loại.

2.3. Cùng với tính cấp thiết của vấn đề các chương trình nghiên cứu về PTBV không ngừng gia tăng ở cả tầm quốc gia và quốc tế

Chiến lược PTBV còn được thể hiện rõ ở việc gia tăng liên tục các chương trình nghiên cứu và phát triển, trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều tổ

chức quốc tế: IUCN, WCED, UNDP, UNCSD, UNESCO, WHO, FAO..., hàng loạt các chỉ số tổng hợp về PTBV được các chính phủ và nhiều tổ chức quốc tế có uy tín xây dựng, đo đạc và công bố trong hàng ngàn ấn phẩm có giá trị, điển hình như: *Chương trình điều tra giá trị thế giới (WVS)*, *Hiệp hội đo đạc khí hậu toàn cầu (WEO của Philippin)*, *chương trình đo đạc chỉ số phát triển con người (HDI) của UNDP*, *Chương trình đo đạc Sự thịnh vượng con người và sinh thái toàn cầu (Global Human and Ecosystem wellbeing index) dưới sự tài trợ của IUCN*, *Chương trình đo đạc chỉ số hành tinh hạnh phúc của NEF (Anh)*, *Chương trình Nghị sự 21 về phát triển bền vững*, v.v..., nhằm công bố thường niên về sự phát triển toàn cầu. Kể từ Hội nghị cấp cao đầu tiên được tổ chức này nhóm họp vào năm 1993 và tiếp theo là các hoạt động nghiên cứu và tài trợ phát triển cho tới năm 2001, các ấn phẩm của WB về PTBV cũng liên tục gia tăng. Trong số hơn 14.000 tài liệu tham khảo là những ấn phẩm của tổ chức này, có tới 1.844 tài liệu tham chiếu trực tiếp về những vấn đề của PTBV. Bảng 1 dưới đây cho phép theo dõi diễn biến của những ấn phẩm liên quan đến PTBV mà WB đã công bố trong 30 năm qua.

Bảng 1. Sự gia tăng của các ấn phẩm về phát triển bền vững

Năm	Tổng số các ấn phẩm nghiên cứu	Các ấn phẩm về PTBV	Tỷ lệ %
1971-1987	903	22	2,44
1988	279	26	9,32
1989	453	34	7,51
1990	510	37	7,25
1991	521	55	10,56
1992	586	79	13,48
1993	576	91	15,8
1994	1136	119	10,48
1995	1186	207	17,45
1996	982	170	17,31
1997	1670	198	11,86
1998	1369	220	16,07
1999	1478	201	13,6
2000	1593	201	12,62
2001	1604	176	10,97

Nguồn: Khảo sát của Ngân hàng Thế giới (giai đoạn 1971 - 2001)¹

¹ Tham khảo Audrey Akkin, Géraldine Rfoger, Vicent Geronim, Philippe Meral, Patric Schembri.

Khái niệm PTBV đã được giới nghiên cứu Việt Nam lĩnh hội và sử dụng khá linh hoạt ngay từ đầu thập kỷ 90 của thập kỷ XX, và tiếp đó là hàng loạt nghiên cứu được triển khai nhằm thao tác hóa khái niệm để có thể vận dụng hiệu quả vào bối cảnh phát triển của đất nước. Hiện nay, PTBV vẫn đang được coi là một trong những chủ đề “nóng” thu hút sự quan tâm của đông đảo giới học giả thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, từ sinh thái học môi trường, địa chất học, đến kinh tế học, luật học, xã hội học, nhân học ứng dụng và phát triển. Trên cơ sở các vấn đề lý thuyết về PTBV, các học giả Việt Nam đang tích cực nghiên cứu để làm rõ các bình diện của phát triển bền vững ở nước ta: phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội..., cũng như tính bền vững trong phát triển con người. Từ mỗi cách tiếp cận riêng biệt, dù ở phương diện nào đi nữa, yếu tố **Con người** vẫn hiện diện trong phát triển bền vững với tư cách là “chủ thể độc nhất vô nhị”, là yếu tố trọng tâm, xuyên suốt thực tiễn phát triển của đất nước cũng như đối với bất cứ một quốc gia nào, và những cuộc “tranh luận nóng bỏng” cho tới nay vẫn còn đang tiếp diễn.

II. Nguyên tắc vì mục tiêu phát triển con người trong chiến lược PTBV

1. Nguyên tắc vì mục tiêu phát triển con người trong các cam kết quốc tế về PTBV

Hội nghị thượng đỉnh tại Stockholm (1972) lấy nội dung “**Con người và môi trường**” làm tên gọi và chủ đề chính của diễn đàn. Tại đây, các nguyên thủ của 113 quốc gia đã cùng nhau kí Tuyên bố chung Stockholm với 7 nhận định chung và 26 nguyên tắc phát triển, ghi nhận một nhận thức mới của giới lãnh đạo toàn cầu là: “*Bảo vệ và cải thiện môi trường là vấn đề quan trọng, làm tiền đề cho hạnh phúc của con người và phát triển kinh tế trên phạm vi toàn thế giới*”.

Năm 1991 được đánh dấu bằng sự ra đời của một ấn phẩm quan trọng về PTBV đồng tác giả là các nhà khoa học thuộc IUCN, UNEF, WWF, đó là cuốn sách “*Cứu lấy trái đất – Chiến lược cho cuộc sống bền vững*”. Mặc dù, trong nội dung chi tiết có đề cập đến nhiều vấn đề của môi trường sinh thái, tuy nhiên tư tưởng bao trùm của cuốn sách chính là vì một chiến lược phồn vinh cho cuộc sống nhân loại. Ở đó, các nội dung của phát triển con người (PTCN): tôn trọng cuộc sống của con người; quan tâm cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao năng lực thích nghi để phát triển thông qua việc điều chỉnh lối sống và hành vi cá nhân, mở rộng quyền quản lý tài nguyên, xây dựng các liên minh toàn cầu liên kết các cộng đồng trong PTBV..., Chương đầu của cuốn sách, được coi là “*Những nguyên tắc cơ bản của một xã hội bền vững*” gồm 62 hành động bổ sung. Nhờ đó, các nguyên tắc này đã phát huy một cách hiệu quả trong định hướng hành động xã hội cho các cộng đồng và các quốc gia nhằm xây dựng và thực thi thành công chiến lược quốc gia về PTBV.

Tại Hội nghị thượng đỉnh RIO (1992) về “*Môi trường và Phát triển*”, hai văn bản quan trọng của PTBV là Chương trình nghị sự 21 quốc tế và Tuyên bố chung

về PTBV đã được công bố. Chưa bao giờ, yếu tố con người, vị thế và vai trò của con người lại được đặt ra đậm nét như trong *Tuyên bố chung* với 27 nguyên tắc mà Hội nghị RIO đề ra. Nguyên tắc đầu tiên, được coi là nguyên tắc có ý nghĩa tiên quyết được báo cáo đề cập là *Con người là trung tâm của sự phát triển bền vững. Con người có quyền được hưởng cuộc sống hữu ích, lành mạnh, hài hoà với thiên nhiên.*

Nghiên cứu tần xuất của chúng tôi về sự xuất hiện của các từ liên quan đến con người và cuộc sống của cộng đồng không kể ở quốc gia phát triển ở mức nào như: con người, nhân dân, dân chúng, cộng đồng, cộng đồng bản địa, các dân tộc, các dân tộc thuộc địa, các quốc gia, các quốc gia đang phát triển, các quốc gia chậm phát triển...., được xuất hiện nhiều lần, liên tục trong hầu hết 27 nguyên tắc chung. Cũng lần đầu tiên, trong cam kết chung này, vị thế, nhu cầu, các quyền và lợi ích của con người được tôn trọng bình đẳng như nhau giữa các quốc gia và giữa các thể hệ. Hơn nữa, việc giúp đỡ cho các cộng đồng, các quốc gia kém phát triển hoặc các quốc gia nghèo đang phải chịu nhiều tổn thất về môi trường...., được *Tuyên bố chung* nêu ra như một trách nhiệm quốc tế cao cả đặt ra đối với các quốc gia có tiềm lực kinh tế cao. Cũng trong *Tuyên bố chung* này, mục tiêu vì cuộc sống hạnh phúc của con người được thể hiện một cách đậm nét hơn bao giờ hết: nhiều trong số 27 nguyên tắc đều đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến cuộc sống và các điều kiện sống cần thiết của các cộng đồng, đến việc xóa bỏ đói nghèo và nâng cao mức sống của đại đa số nhân dân trên thế giới... Các nguyên tắc cũng chú trọng tới việc trao quyền quản lý và bảo vệ môi trường cho chính người dân, kể cả những người bản địa tại các dân tộc thuộc địa.... Những nguyên tắc chứa đựng nhiều nhân văn nêu trên, Hội nghị thượng đỉnh RIO đã được đánh giá cao, được coi là mốc son chói lọi về PTBV, khi có được một sự đồng thuận cao và sự nhất trí cam kết thực hiện của các nguyên thủ ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Để dễ vận dụng trong thực tiễn ở nhiều quốc gia, các nguyên tắc của PTBV của Hội nghị RIO đã được Luc Hens, một giáo sư ngành sinh thái học nhân văn người Bỉ đúc kết và giản lược thành 7 nguyên tắc cô đọng nhất về PTBV. Ở đó, vị thế và lợi ích của con người cũng như cộng đồng vẫn là những nội dung được chú trọng đặc biệt, đó là: 1) Tăng cường sự ủy thác của nhân dân; 2) Tăng cường phòng ngừa các nguy cơ đối với cuộc sống con người; 3) Thực hiện quyền bình đẳng giữa các thể hệ; 4) Bình đẳng về lợi ích của con người trong cùng một thể hệ; 5) Phân quyền và ủy quyền cho các cộng đồng, tổ chức, cá nhân; 6) Quy định trách nhiệm tài chính đối với người gây ô nhiễm; 7) Quy định trách nhiệm tài chính đối với người sử dụng tài nguyên....

2. Mục tiêu phát triển con người luôn giữ vị trí ưu tiên trong quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và của Đảng ta

Trở lại những quan niệm kinh điển về nguồn gốc và bản chất con người. Quan điểm duy vật biện chứng cho rằng: *Con người được sinh ra nhờ sự tiến*

hoá lâu dài của tự nhiên, chứ không phải là kết quả từ sự "nhào nặn" của một lực lượng siêu nhiên nào đó, Ph.Ăngghen đã khẳng định: Con người với bộ óc biết tư duy sáng tạo chính là sản phẩm cao nhất của sự tiến hoá trong nhiều triệu năm của vật chất, là "một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên đã tạo sinh ra được". Để bảo tồn nòi giống và phát triển như ngày nay, tổ tiên loài người đã biết chế tạo ra công cụ sản xuất và cải tạo thiên nhiên, duy trì các hình thức tổ chức cuộc sống..... Lúc đó, bản thân họ chưa có một khái niệm gì về phát triển và cũng chưa ý thức được rằng động lực của phát triển chính là quá trình lao động sáng tạo. Chính vì vậy, không ít người đã coi phát triển như một quá trình vận động tự thân với xu hướng cải thiện tốt hơn cái đang có, nhằm thỏa mãn những nhu cầu liên tục thay đổi ngày càng cao của con người.... Giả thiết trên cho thấy, yếu tố con người luôn luôn hiện diện với tư cách vừa là chủ thể của ý tưởng phát triển, vừa là động lực thúc đẩy phát triển và chính sự hoàn thiện từng bước của quá trình vận động đó đã trở thành những "cột mốc" quan trọng để xem xét mức độ thỏa mãn nhu cầu ngày một cao của con người.

Chiến lược PTBV luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, trong đó mục tiêu vì sự tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển con người đã được khẳng định trong nhiều chủ trương của Đảng thông qua các Đại hội gần đây. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX và trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) nêu rõ: "*Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*" và "*phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học*". Trong Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21) đã nêu những mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc cơ bản: phát triển kinh tế, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội là nhiệm vụ trọng tâm; bảo vệ và cải thiện môi trường là yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển.... Những văn bản pháp lý này đã trở thành cơ sở quan trọng cho chiến lược phát triển ở nước ta nhằm thực hiện thành công mục tiêu phát triển con người bền vững.

Về sau này, các nguyên tắc về PTBV mà Hội nghị RIO đề ra vẫn tiếp tục được quán triệt. Từ phiên họp lần thứ ba của Hội đồng PTBV của Liên hiệp quốc (UNCSD), nhóm họp vào năm 1995 và những năm tiếp theo (1996, 2000, 2001 và 2006), các nguyên thủ quốc gia còn đề xuất và thông qua một chương trình quốc tế về xây dựng các chỉ tiêu PTBV, làm cơ sở đo đạc và vận dụng vào đánh giá phát triển cho các quốc gia trên toàn cầu. Rà soát lại bộ công cụ đánh giá PTBV của LHQ đề xuất, cũng như các bộ chỉ tiêu đánh giá của nhiều quốc gia, một lần nữa, chúng tôi thấy rõ, yếu tố con người được thể hiện đậm nét với tư cách là những tiêu chí cơ bản nhất để đo đạc và đánh giá phát triển bền vững với mục tiêu cuối cùng là vì sự nghiệp phát triển con người.

3. Nguyên tắc và mục tiêu phát triển con người trong xây dựng các bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV

Tại phiên họp lần thứ ba của Hội đồng PTBV (United Nation commission of sustainable development - UNCSO), nhóm họp vào năm 1995, Liên hiệp quốc đã thông qua một chương trình quốc tế về xây dựng các chỉ tiêu PTBV, đồng thời kêu gọi tất cả các quốc gia, các tổ chức thuộc LHQ, các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ trên toàn thế giới cùng xác định một phương pháp luận thống nhất cho việc xây dựng hệ thống các bộ chỉ tiêu PTBV (indicator set of sustainable development), nhằm hỗ trợ cho việc hoạch định chính sách ở tầm quốc gia theo một chiến lược chung toàn cầu. Tháng 8 năm 1996, UNCSO đã dự thảo một bộ công cụ đánh giá đầu tiên gồm 134 chỉ tiêu và gửi tới các quốc gia để thử nghiệm đo đạc, trên cơ sở đó hoàn thiện và đề xuất một bộ chỉ tiêu thống nhất. Ngay trong giai đoạn đầu tiên 1995 - 2000, đề xuất trên của LHQ đã được nhiều quốc gia hưởng ứng xây dựng và bổ sung các chỉ tiêu then chốt cho phù hợp với đặc thù kinh tế, chính trị, xã hội, địa lý, văn hóa... của từng quốc gia. Tới năm 2001, với sự nỗ lực phối hợp của các chính phủ và các tổ chức quốc tế có uy tín, UNCSO đã thống nhất công bố 58 chỉ tiêu then chốt về PTBV, phân bổ theo 4 lĩnh vực: xã hội, môi trường, kinh tế và thể chế. Trong nội dung các chỉ tiêu đo đạc, những vấn đề của phát triển con người được đặt ra nhưng những chỉ tiêu cơ bản nhất, tập trung vào 19 chỉ tiêu đầu tiên của bộ công cụ đánh giá và tiếp tục được phân bổ tại tất cả các lĩnh vực còn lại.

3.1. Về các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng bộ chỉ tiêu PTBV:

Nghiên cứu cho thấy, bộ chỉ tiêu PTBV của LHQ đã được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản của phát triển con người, đó là việc đảm bảo tính công bằng, hiệu quả và cơ hội tham gia của mọi người dân trong quá trình phát triển. Công bằng xã hội là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của PTBV, trong đó con người và chất lượng cuộc sống của họ được coi là vấn đề trọng tâm. Trên thực tế, không thể có một sự phát triển bền vững khi thiếu bình đẳng và công bằng, khi các cộng đồng vì chạy theo hiệu quả kinh tế vẫn tiếp tục làm tổn hại đến các cộng đồng khác, hoặc khi thế hệ hiện tại để lại một món nợ sinh thái quá lớn cho các thế hệ tương lai. Tính công bằng được thể hiện ở việc phân bổ và tiếp cận các nguồn lực (tài chính và nguồn nhân lực...), trong việc mở rộng các cơ hội: việc làm và các dịch vụ xã hội: giáo dục, y tế, luật pháp..., cùng với các quyết định mà con người được tham gia đề xuất và cùng thực hiện. Nguyên tắc công bằng đã trở thành chủ đề bao quát đầu tiên trong bộ chỉ tiêu đánh giá, chi phối toàn bộ lĩnh vực xã hội: xóa đói giảm nghèo, phân phối thu nhập; vấn đề bình đẳng giới, dân tộc, tuổi tác và khả năng tiếp cận các nguồn lực.... Tiếp đó, nguyên tắc về tính hiệu quả và mở rộng cơ hội tham gia của người dân lại được đặt ra như những nguyên tắc điều kiện, chi phối tất cả các lĩnh vực còn lại của PTBV: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và hoàn thiện thể chế.

3.2. Về mối quan hệ giữa PTCN và PTBV trong bộ chỉ tiêu đánh giá về PTBV của LHQ

Những vấn đề của phát triển con người: thu nhập, sức khỏe, giáo dục, điều kiện sống, an ninh con người, dân số và PTBV luôn có mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau. Đói nghèo, thất học, bệnh tật, điều kiện sống không đảm bảo luôn là nguyên nhân cản trở PTBV. Từ lâu mối quan hệ đó đã được coi là một cái “vòng luẩn quẩn của đói nghèo” mà nhiều quốc gia chưa thoát ra được. Ngược lại, thu nhập được cải thiện tạo tiền đề vật chất để nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo cho con người phát triển bền vững hơn. Giáo dục đã được coi là chìa khóa để con người nâng cao năng lực lựa chọn, thông qua việc tiếp thu tri thức, tận dụng tốt các cơ hội phát triển. Giáo dục cũng được thừa nhận là một phương tiện để thay đổi thói quen tiêu dùng và mô hình sản xuất, xây dựng một lối sống lành mạnh và bền vững hơn. Mặt khác, việc cung cấp đầy đủ nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh, dinh dưỡng đảm bảo và an toàn lương thực, điều kiện sống không bị ô nhiễm, kiểm soát được dịch bệnh và tiếp cận với tất cả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sẽ góp phần nâng cao năng lực thể chất cho mọi người. Khi xã hội văn minh, quản lý tốt, và nền dân chủ dựa vào việc đẩy mạnh công lý như một điều kiện cơ bản cho ổn định xã hội, an ninh, hòa bình, nhân quyền, phát triển bền vững dài hạn. Dân số là một chỉ tiêu quan trọng trong PTBV để xem xét mối quan hệ giữa con người, nguồn lực, môi trường và phát triển. Sự gia tăng dân số khó kiểm soát dẫn tới những sức ép nặng nề cho môi sinh và các vấn đề xã hội. Ngược lại, sự bình ổn về mức sinh sẽ có tác động tích cực đáng kể đến chất lượng cuộc sống.

Chính vì vậy, để đảm bảo tính hiệu quả trong PTBV, những chỉ tiêu liên quan đến con người và cuộc sống của con người như: thu nhập, giáo dục, y tế, an ninh con người, dân số.... đã được LHQ đặt lên như các chủ đề trọng tâm, ở vị trí của các chỉ tiêu hàng đầu (từ 1 - 19), như những chỉ tiêu điều kiện để PTBV. Về mặt kỹ thuật, đây cũng là các chỉ tiêu đã được kiểm nghiệm, dễ đo đạc và có thể áp dụng được rộng rãi đối với tất cả các quốc gia trên toàn cầu.

3.3. Mục tiêu phát triển con người trong bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của một số quốc gia:

a) Về bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của Thụy Điển:

Năm 2001, Thụy Điển đã công bố bộ chỉ tiêu PTBV lần thứ nhất. Sau đó, Ủy Ban Thống kê Thụy Điển liên tục cập nhật và hoàn thiện các chỉ tiêu PTBV của mình. Bộ công cụ đánh giá PTBV của Thụy Điển bao gồm 30 chỉ tiêu, đề cập đến 4 chủ đề mang tính nguyên tắc, hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của quan điểm PTCN là tôn trọng hiệu quả phát triển, tôn trọng bình đẳng và sự tham gia của người dân, đề cao tính thích nghi và tôn trọng các *giá trị tài nguyên* cho các thế hệ mai sau. Trong khuôn khổ các chủ đề nêu trên, các chỉ tiêu được phân bổ hợp lý trên các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội. Đặc

biệt, trong bộ công cụ này, các chỉ báo liên quan đến phát triển con người như: thu nhập, y tế, giáo dục, các quyền và lợi ích.... của con người chiếm vị trí đáng kể, đạt tỷ lệ 50% so với các chỉ tiêu kinh tế và môi trường khác (15/30 chỉ tiêu về con người).

b) Về bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của Indonesia

Trên cơ sở nghiên cứu Bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của LHQ và thử nghiệm đo đạc tại Indonesia, ngay từ năm 1999, nhóm chuyên gia của Bộ Môi trường nước này đứng đầu là Gustavson và các cộng sự của ông đã đề nghị chọn một số chỉ tiêu hạt nhân về phát triển bền vững, cần thiết cho việc phân tích chính sách. Sau khi cân nhắc và giản lược các chỉ tiêu có quan hệ với nhau, nhóm chuyên gia đã đề xuất bộ công cụ đánh giá PTBV gồm 21 chỉ tiêu hạt nhân, đều là các chỉ tiêu để đánh giá PTCN: 1. Tỷ lệ thất nghiệp, 2. Tỷ lệ (%) số người sống dưới đường nghèo, 3. Chỉ số Gini về thu nhập, 4. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, 5. Tuổi thọ trung bình, 6. Tỷ lệ số hộ có phương tiện xử lý chất thải hợp vệ sinh, 7. Tỷ lệ dân số có thể tiếp xúc với phương tiện hỗ trợ sức khỏe ban đầu, 8. Tỷ lệ biết chữ, 9. Chỉ tiêu bình quân đầu người, 10. Số năm đi học, 11. Tỷ lệ lương của nam so với nữ, 12. Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi, 13. Số người được sử dụng nước sạch, 14. Diện tích phòng ở bình quân đầu người, 15. Số các vụ trộm cắp (crimes) trên 10 vạn dân, 16. Mật độ dân số, 17. GDP thực bình quân đầu người, 18. Tăng trưởng kinh tế (GDP) (Chúng tôi liệt kê 18/21 chỉ tiêu).

Thực tế cho thấy, bộ công cụ đo đạc PTBV của Indonesia đã đặc biệt chú trọng sử dụng các tiêu chí của HDI với tỷ lệ 17/21, cho phép chúng ta nhận định chắc chắn rằng, chiến lược PTBV của Indonesia luôn nhằm tới mục tiêu PTCN bền vững.

c) Về bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của Thái Lan

Bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững của Thái Lan được Ban Kinh tế xã hội của Quốc hội đề xuất và thông qua, trên cơ sở phân tích tình hình phát triển, thách thức đối với mục tiêu phát triển và các hướng ưu tiên trong kế hoạch kinh tế - xã hội lần thứ 9 và các thập niên tiếp theo, đảm bảo xây dựng các chỉ tiêu thể hiện rõ nội dung hướng tới một cuộc sống thịnh vượng (Well-being) cho mọi người dân. Bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững của nước này đã trở thành cơ sở để giám sát và đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là khung khổ pháp lý để phân tích các vấn đề về phát triển và hoạch định chính sách phát triển con người. Để giám sát thực hiện kế hoạch phát triển, Thái Lan đã chọn 16 chỉ tiêu hạt nhân cho bộ công cụ đánh giá của mình. Thực tế nghiên cứu đã cho thấy, 16 chỉ tiêu do Thái Lan lựa chọn và đề xuất để đánh giá PTBV hoàn toàn nằm trong các nội dung của PTCN. Đó là: 1. Dự báo dân số theo giới tính, độ tuổi, thành thị, nông thôn, một cách phù hợp và khả thi, dân tộc thiểu số. 2. Tuổi thọ trung bình theo giới tính; 3. Tỷ suất

sinh tổng cộng; 4. Tỷ lệ tử vong trẻ em sơ sinh theo giới tính; 5. Tỷ lệ trẻ em tử vong theo giới tính; 6. Tỷ lệ tử vong của người mẹ khi sinh; 7. Tỷ lệ người sử dụng các biện pháp tránh thai; 8. Số năm tốt nghiệp trung bình theo giới tính, theo các nhóm thu nhập; 9. GDP bình quân đầu người; 10. Thu nhập hộ gia đình bình quân đầu người (chúng tôi tiết kê 10/16 chỉ tiêu).

d) Về bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của Việt Nam:

Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của LHQ về việc xây dựng bộ chỉ tiêu về phát triển bền vững. Nhiệm vụ quan trọng này đã được các nhà khoa học về môi trường nước ta quan tâm nghiên cứu trong suốt 10 năm trở lại đây. Mặc dù ở Việt Nam, các nhà khoa học có chú trọng hơn tới các chỉ tiêu về môi trường. Tuy nhiên, trong tất cả các bộ chỉ tiêu đánh giá đã đề xuất, các chỉ tiêu về PTCN với những nội dung giảm nghèo và giảm thiểu bất bình đẳng xã hội luôn giữ vị trí trung tâm với số lượng chỉ tiêu đánh giá đáng kể.

Điều quan trọng là, càng ngày các nhà khoa học càng nhận thức sâu sắc hơn về phát triển bền vững, coi đó là một khoa học liên ngành và đẩy mạnh sự hợp tác nghiên cứu giữa các nhà khoa học tự nhiên và xã hội là việc vô cùng cần thiết, nhằm vươn tới mục tiêu cuối cùng là phát triển con người Việt Nam một cách bền vững. Điều đó đã được giới khoa học Việt Nam và quốc tế khẳng định trong Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, tháng 12/2008.

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: 27 nguyên tắc trong Tuyên bố chung về phát triển bền vững (Công bố tại Hội nghị Rio)

- **Nguyên tắc 1:** Con người là trung tâm của sự phát triển bền vững. Con người có quyền được hưởng 1 cuộc sống hữu ích, lành mạnh, hài hoà với thiên nhiên.
- **Nguyên tắc 2:** Phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc và những nguyên tắc của Luật pháp quốc tế, các quốc gia có chủ quyền khai thác tài nguyên của mình theo cách riêng, nhưng phải đảm bảo rằng những hoạt động của mình không gây tác hại gì đến môi trường của quốc gia khác, hoặc những khu vực ngoài phạm vi quyền hạn quốc gia của mình.
- **Nguyên tắc 3:** Cần phải thực hiện quyền được phát triển để đáp ứng một cách bình đẳng những nhu cầu về môi trường và phát triển của các thế hệ hiện nay và tương lai.
- **Nguyên tắc 4:** Để thực hiện phát triển bền vững, việc bảo vệ môi trường nhất thiết phải là bộ phận cấu thành của quá trình và không thể xem xét tách rời quá trình đó.
- **Nguyên tắc 5:** Tất cả các quốc gia và dân tộc cần hợp tác xoá bỏ nghèo nàn, giảm chênh lệch về mức sống, như một yêu cầu không thể thiếu cho sự phát triển bền vững và để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đại đa số nhân dân trên thế giới.
- **Nguyên tắc 6:** Cần dành ưu tiên đặc biệt cho nhu cầu của các nước đang phát triển, nhất là các nước kém phát triển nhất và những nước dễ bị tổn hại về môi trường; Đồng thời cũng nên chú ý đến quyền lợi và yêu cầu của tất cả các nước.
- **Nguyên tắc 7:** Các quốc gia cần hợp tác toàn cầu để giữ gìn, bảo vệ và phục hồi sự lành mạnh và tính toàn bộ của hệ sinh thái của Trái đất. Vì sự đóng góp khác nhau những vấn đề môi trường toàn cầu, các quốc gia có những trách nhiệm chung nhưng khác biệt nhau. Các nước phát triển công nhận trách nhiệm của họ trong các nỗ lực quốc tế về PTBV, do những áp lực mà xã hội của họ gây cho môi trường toàn cầu và do những công nghệ và những nguồn tài chính của họ chi phối, điều khiển.
- **Nguyên tắc 8:** Để PTBV các quốc gia nên giảm dần và loại trừ những phương thức sản xuất và tiêu dùng không bền vững, đẩy mạnh những chính sách dân số thích hợp.
- **Nguyên tắc 9:** Các quốc gia nên hợp tác để củng cố, xây dựng năng lực cho PTBV bằng cách nâng cao sự hiểu biết khoa học, thông qua trao đổi kiến thức khoa học, công nghệ và đẩy mạnh phát triển, thích nghi, truyền bá và chuyển giao công nghệ, kể cả những công nghệ mới và cải tiến.

- **Nguyên tắc 10:** Các vấn đề môi trường sẽ được giải quyết tốt nhất với sự tham gia của dân chúng có liên quan và ở cấp độ thích hợp. Ở cấp độ quốc gia, mỗi cá nhân có quyền được các nhà chức trách cung cấp các thông tin thích hợp liên quan đến môi trường, bao gồm thông tin về những nguyên liệu và hoạt động nguy hiểm trong cộng đồng, và cơ hội tham gia vào các quá trình quyết định. Các quốc gia cần khuyến khích, tuyên truyền và tạo điều kiện cho sự tham gia của nhân dân bằng cách phổ biến thông tin rộng rãi. Nhân dân cần được tạo điều kiện tiếp cận có hiệu quả với những văn bản luật pháp hành chính, kể cả khả năng uốn nắn và sửa chữa.
- **Nguyên tắc 11:** Các quốc gia cần ban hành luật môi trường, tiêu chuẩn môi trường. Những mục tiêu quản lý và những ưu tiên phải phản ánh nội dung môi trường và phát triển mà chúng gắn với. Những tiêu chuẩn mà một vài nước áp dụng có thể không phù hợp và gây tổn phí về kinh tế xã hội không biện minh được cho các nước khác, nhất là các nước đang phát triển.
- **Nguyên tắc 12:** Các nước nên hợp tác để phát huy một hệ thống kinh tế thế giới thoáng và giúp đỡ dẫn đến sự phát triển kinh tế và PTBV ở tất cả các nước, nhằm đúng hơn vào những vấn đề môi trường. Những biện pháp chính sách về thương mại với những mục đích môi trường không nên trở thành phương tiện phân biệt đối xử độc đoán hay vô lý, hoặc một sự ngăn cản trá hình đối với thương mại quốc tế. Cần tránh hoạt động đơn phương và nên giải quyết những vấn đề môi trường ngoài biên giới hay toàn cầu dựa trên sự nhất trí quốc tế cao nhất có thể đạt được.
- **Nguyên tắc 13:** Các nước cần soạn thảo luật quốc gia về trách nhiệm pháp lý và bồi thường cho những nạn nhân của các tác hại môi trường. Các quốc gia cũng cần hợp tác một cách khẩn trương và kiên quyết hơn để phát triển hơn nữa luật quốc gia về trách nhiệm pháp lý và bồi thường về những tác hại môi trường do những hoạt động trong phạm vi quyền hạn hay kiểm soát của họ gây ra cho những vùng ngoài phạm vi quyền hạn của họ.
- **Nguyên tắc 14:** Các quốc gia nên hợp tác một cách có hiệu quả để ngăn cản sự thay thế và chuyển giao cho các quốc gia khác bất cứ một hoạt động hoặc chất nào gây sự thoái hoá môi trường nghiêm trọng hoặc xét thấy có hại cho sức khoẻ con người.
- **Nguyên tắc 15:** Để bảo vệ môi trường, các quốc gia cần áp dụng rộng rãi tiếp cận ngăn ngừa tùy theo khả năng của mình. Ở chỗ nào có nguy cơ gây tác hại nghiêm trọng hay không sửa chữa được, thì không thể nêu lý do là vì thiếu sự chắc chắn khoa học hoàn toàn để trì hoãn áp dụng các biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn sự thoái hoá môi trường.
- **Nguyên tắc 16:** Các nhà chức trách quốc gia nên cố gắng đầy mạnh sự quốc tế hoá những chi phí môi trường và sử dụng các biện pháp kinh tế, căn cứ

vào quan điểm cho rằng về nguyên tắc người gây ô nhiễm phải chịu phí tổn ô nhiễm, với sự quan tâm đúng mức đối với quyền lợi chung và không ảnh hưởng xấu đến nền thương mại và đầu tư quốc tế.

- **Nguyên tắc 17:** Cần ngăn chặn kịp thời của những hoạt động có thể gây tác động xấu đối với môi trường và tuân theo quyết định của một cơ quan quốc gia có thẩm quyền.

- **Nguyên tắc 18:** Các quốc gia cần thông báo ngay cho các quốc gia khác về bất cứ một thiên tai nào hay tình hình khẩn cấp nào có thể gây những tác hại đột ngột đối với môi trường của nước đó. Cộng đồng quốc tế phải ra sức giúp các quốc gia đang bị tai họa này.

- **Nguyên tắc 19:** Các quốc gia cần phải thông báo trước, kịp thời và cung cấp thông tin có liên quan cho các quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng về những hoạt động có thể gây ảnh hưởng xấu đáng kể đến môi trường vượt ra ngoài biên giới và cần tham khảo ý kiến của các quốc gia này sớm và có thiện ý.

- **Nguyên tắc 20:** Phụ nữ có một vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển môi trường. Do đó việc họ tham gia đầy đủ là cần thiết để đạt được sự phát triển bền vững.

- **Nguyên tắc 21:** Cần huy động tính sáng tạo, những lý tưởng và sự can đảm của thành viên thế giới để tạo nên một sự chung lưng đấu cật để đạt được sự PTBV và đảm bảo một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

- **Nguyên tắc 22:** Nhân dân bản xứ và những cộng đồng của họ và các cộng đồng khác của địa phương có vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển môi trường nhờ tri thức bản địa và tập tục truyền thống của họ. Các quốc gia nên công nhận và ủng hộ thích đáng bản sắc văn hoá và những mối quan tâm của họ, giúp họ tham gia có hiệu quả vào PTBV.

- **Nguyên tắc 23:** Môi trường & tài nguyên thiên nhiên của các dân tộc bị áp bức, thống trị cũng cần phải được bảo vệ.

- **Nguyên tắc 24:** Chiến tranh là yếu tố phá hoại PTBV. Các quốc gia cần phải tôn trọng luật pháp quốc tế, bảo vệ môi trường trong thời gian có xung đột vũ trang và hợp tác để phát triển môi trường hơn nữa, như các quốc gia cảm thấy cần thiết.

- **Nguyên tắc 25:** Hoà bình, phát triển và bảo vệ môi trường phụ thuộc nhau và không thể chia cắt được.

- **Nguyên tắc 26:** Các quốc gia cần phải giải quyết mọi bất hoà về môi trường một cách hoà bình và bằng các biện pháp thích hợp theo Hiến chương Liên Hợp Quốc.

- **Nguyên tắc 27:** Các quốc gia, các dân tộc cần hợp tác có thiện ý, với tinh thần chung lưng đấu cật trong việc thực hiện các nguyên tắc được thể hiện trong bản tuyên bố này và trong sự phát triển hơn nữa luật pháp quốc tế trong lĩnh vực PTBV.

Phụ lục 2. Bộ chỉ tiêu PTBV của Ủy ban Phát triển bền vững LHQ (UN CSD)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Chỉ tiêu
	Lĩnh vực xã hội	
1. Công bằng	1. Nghèo đói	1. Tỷ lệ người nghèo
		2. Chỉ số Gini về bất cân đối thu nhập
		3. Tỷ lệ thất nghiệp
	2. Bình đẳng giới	4. Tỷ lệ lương trung bình của nữ so với nam
2. Y tế	3. Tình trạng dinh dưỡng	5. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em
	4. Tỷ lệ chết	6. Tỷ lệ chết <5 tuổi
		7. Kỳ vọng sống của trẻ mới sinh
	5. Điều kiện vệ sinh	8. % dân số có thiết bị vệ sinh phù hợp
	6. Nước sạch	9. Dân số được dùng nước sạch
	7. Tiếp cận dịch vụ YT	10. % dân số được tiếp cận dịch vụ y tế ban đầu
		11. Tiêm chủng cho trẻ em
		12. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai
3. Giáo dục	8. Cấp giáo dục	13. Phổ cập tiểu học đối với trẻ em
		14. Tỷ lệ người trưởng thành đạt mức giáo dục cấp II
	9. Biết chữ	15. Tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành
4. Nhà ở	10. Điều kiện sống	16. Diện tích nhà ở bình quân đầu người
5. An ninh	11. Tội phạm	17. Số tội phạm trong 100.000 dân số.

6. Dân số	12. Thay đổi dân số	18. Tỷ lệ tăng dân số
		19. Dân số đô thị chính thức và không chính thức
	Lĩnh vực môi trường	
7. Không khí	13. Thay đổi khí hậu	20. Phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính
	14. Phá huỷ tầng ôzôn	21. Mức độ tàn phá tầng ôzôn
	15. Chất lượng KK	22. Mức độ tập trung của chất thải khí khu vực đô thị
8. Đất	16. Nông nghiệp	23. Đất canh tác và diện tích cây lâu năm
		24. Sử dụng phân hoá học
		25. Sử dụng thuốc trừ sâu
	17. Rừng	26. Tỷ lệ che phủ rừng
		27. Cường độ khai thác gỗ
	18. Hoang hoá	28. Đất bị hoang hoá
	19. Đô thị hoá	29. Diện tích đô thị chính thức và phi chính thức
9. Đại dương, bờ biển	20. Khu vực bờ biển	30. Mức độ tập trung của tảo trong nước biển
		31. % dân số sống ở khu vực bờ biển
	21. Ngư nghiệp	32. Loài hải sản chính bị bắt hàng năm
10. Nước sạch		33. Mức độ cạn kiệt của nguồn nước ngầm và nước mặt so với tổng nguồn nước

	22. Chất lượng nước	34. BOD của khối nước
		35. Mức tập trung của Faecal Coliform
11. Đa dạng SH	23. Hệ sinh thái	36. Diện tích hệ sinh thái chủ yếu được lựa chọn
		37. Diện tích được bảo vệ so với tổng diện tích
	24. Loài	38. Sự đa dạng của số loài được lựa chọn
	Lĩnh vực kinh tế	
12. Cơ cấu KT	25. Hiện trạng kinh tế	39. GDP bình quân đầu người
		40. Tỷ lệ đầu tư trong GDP
	26. Thương mại	41. Cán cân thương mại hàng hoá và dịch vụ
		42. Tỷ lệ nợ trong GNP
	27. Tình trạng tài chính	43. Tổng viện trợ ODA hoặc nhận viện trợ ODA so với GNP
	28. Tiêu dùng vật chất	44. Mức độ sử dụng vật chất
	29. Sử dụng năng lượng	45. Tiêu thụ năng lượng bình quân đầu người/năm
		46. Tỷ lệ tiêu dùng nguồn năng lượng có thể tái sinh.
		47. Mức độ sử dụng năng lượng
13. Mẫu hình sản xuất tiêu dùng	30. Xả thải và quản lý xả thải	48. Xả thải rắn của công nghiệp và đô thị
		49. Chất thải nguy hiểm

		50. Chất thải phóng xạ
		51. Chất thải tái sinh
	31. Giao thông vận tải	52. Khoảng cách vận chuyển/người theo một cách thức vận chuyển
	Lĩnh vực thể chế	
14. Khuôn khổ thể chế	32. Quá trình thực hiện chiến lược PTBV	53. Chiến lược PTBV quốc gia
	33. Hợp tác quốc tế	54. Thực thi các công ước quốc tế đã ký kết
15. Năng lực thể chế	33. Tiếp cận thông tin	55. Số lượng người truy cập Internet/1.000 dân
	35. Cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc	56. Đường điện thoại chính/1.000 dân
	36. Khoa học & công nghệ	57. Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển tính theo % GDP
	37. Phòng chống thảm họa	58. Thiệt hại về người và của do các thảm họa thiên tai

Phụ lục 3. Bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của Thụy Điển***Hướng tới sự bền vững: Hiệu quả***

1. Tổng cung năng lượng theo GDP
2. GDP bình quân giờ làm việc
3. Chất thải
4. Y tế, chi tiêu cho y tế
5. Tỷ lệ học sinh thi trượt tốt nghiệp PTTH

Hướng tới sự bền vững: Sự tham gia đóng góp và bình đẳng

6. Dân số theo độ tuổi
7. Tổng sản phẩm theo vùng
8. Vận tải hành khách và hàng hóa.
9. Thu nhập khả dụng bình quân đơn vị tiêu dùng.
10. Tỷ lệ lương của nữ so với nam
11. Tham gia bầu cử
12. Tỷ lệ người phạm pháp
13. Số doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001, đạt tiêu chuẩn môi trường sinh thái, diện tích rừng có chứng chỉ.
14. Sản phẩm và dịch vụ được xác nhận đảm bảo môi trường sinh thái (Purchases of ecolabelled products and services)

Hướng tới sự bền vững: Thích nghi

15. Cung năng lượng sơ cấp các loại
16. Tỷ lệ đầu tư trên GDP
17. Số doanh nghiệp mới và phá sản
18. Trình độ giáo dục
19. Tỷ lệ chi tiêu R&D so với GDP
20. Lao động nam, nữ đang làm việc theo dạng hoạt động kinh tế.
21. Nông nghiệp hữu cơ, đồng cỏ

Hướng tới sự bền vững: Giá trị và tài nguyên cho thế hệ mai sau

22. Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP
23. Tỷ lệ chi cho y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội và an ninh trong GDP.
24. Tiêu dùng vật chất trực tiếp
25. Số lượng hóa chất nguy hiểm tới sức khỏe và nuôi trồng.
26. Tỷ lệ học sinh phổ thông sử dụng chất kích thích
27. Diện tích được bảo vệ
28. Khai thác cá trích ở biển Ban Tíc.
29. Các loại quý hiếm có nguy cơ diệt chủng
30. Phát thải CO₂

Phụ lục 4: Bộ chỉ tiêu đánh giá PTBV của Việt Nam theo Chiến lược toàn diện tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo và Bộ chỉ tiêu theo Agenda 21

Bộ chỉ tiêu đánh giá theo Chiến lược toàn diện về XĐGN

1. Tăng trưởng GDP
2. Tỷ lệ tích lũy nội bộ trên GDP
3. Cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong GDP
4. Tỷ lệ lao động công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ trong tổng số lao động
5. Tỷ lệ nghèo (theo chuẩn quốc tế và chuẩn Việt Nam)
6. Tỷ lệ xã nghèo được cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu
7. Tỷ lệ số xã có diện đến trung tâm xã
8. Tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn được dụng nước sạch, lượng nước sạch bình quân đầu người/ ngày.
9. Tỷ lệ gia đình có hồ xí hợp vệ sinh
10. Tỷ lệ lao động nữ trong tổng số lao động được giải quyết việc làm mới
11. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tỷ lệ quỹ thời gian sử dụng ở nông thôn
12. Tỷ lệ trẻ em dưới 3 tuổi đến nhà trẻ
13. Tỷ lệ trẻ em từ 3-5 tuổi đến trường, lớp mẫu giáo
14. Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi
15. Tỷ lệ học sinh học xong tiểu học
16. Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi
17. Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông trong độ tuổi
18. Tỷ lệ xoá mù chữ cho phụ nữ mù chữ dưới 40 tuổi
19. Tỷ lệ thu hút học sinh trong độ tuổi vào các trường trung học chuyên nghiệp
20. Tỷ lệ thu hút học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào các trường dạy nghề
21. Tỷ lệ sinh
22. Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi
23. Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi
24. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi
25. Tỷ lệ trẻ sinh thiếu cân (dưới 2500 gram)
26. Tỷ suất chết mẹ liên quan đến sinh sản
27. Tỷ lệ gia đình, cộng đồng đạt tiêu chuẩn văn hoá
28. Số bản sách/ người/ năm
29. Tỷ lệ số hộ được nghe đài, xem truyền hình
30. Tỷ lệ KCN, đô thị, làng nghề được xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải vệ sinh

31. Tỷ lệ che phủ của rừng
32. Tỷ lệ tái nghèo do thiên tai và các rủi ro khác
33. Tỷ lệ phụ nữ làm việc ở các công sở

Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững đề cập đến trong Agenda 21

1. Tỷ lệ hộ nghèo
2. Số xã nghèo
3. Tỷ lệ người sống trên đường nghèo
4. Tỷ lệ số hộ thoát nghèo so với tổng số hộ nghèo
5. Khoảng cách thu nhập giữa thành thị, nông thôn, miền núi với đồng bằng
6. Trợ cấp dân tộc thiểu số
7. Hỗ trợ người tàn tật
8. Hỗ trợ người bị thiệt hại do thiên tai
9. Số chỗ làm việc mới tạo cho người lao động
10. Số phụ nữ hoạt động kinh tế, hoặc giữ cương vị lãnh đạo so với nam
11. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng so với tổng số
12. Kỳ vọng sống của trẻ em mới sinh
13. Thực phẩm sạch và an toàn
14. Cung cấp nước sạch
15. Số người tiếp cận được các dịch vụ y tế
16. Tỷ lệ tiêm phòng
17. Số lần khám thai
18. Tỷ lệ trẻ em từ 36 tháng đến 6 tuổi được uống vitamin A
19. Tỷ lệ trẻ em được tiêm phòng
20. Số lần phá thai
21. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai
22. Tỷ lệ phổ cập tiểu học
23. Số năm đi học trung bình của dân số
24. Tỷ lệ lao động qua đào tạo
25. Tỷ lệ người trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên) biết chữ
26. HDI
27. Áp lực nhà ở và vệ sinh môi trường.
28. Đấu tranh chống tội phạm
29. Tốc độ tăng dân số
30. Tỷ lệ sinh
31. Bụi, khí phát thải
32. Khí thải SO_2 , NO_2 , CO_x

Tài liệu tham khảo

1. Cục môi trường. *Hành trình vì sự phát triển bền vững 1972-1992-2002*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội 2002.
2. *Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam. Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*. Ban hành theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17-8-2004 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Daisaku Ikeda & Aurelio Peccei. *Tiếng chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
4. Nguyễn Thị Hoa. *Dân số, môi trường trong phát triển bền vững*. T/c Cộng sản, số 14, tháng 7 năm 2005, tr.63 - 66
5. Jean-Yves Martin (chủ biên). *Phát triển bền vững ? Học thuyết, thực tiễn, đánh giá*. Nxb. Thế giới. 2007.
6. Hà Huy Thành (Chủ biên). *Những vấn đề xã hội nhân văn trong quản lý nhà nước đối với tài nguyên, môi trường trong quá trình CNH, HĐH ở nước ta*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp bộ. Hà Nội 6-2006.
7. Koos Neefjes: *Môi trường và sinh kế – các chiến lược phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
8. Tatyana P. Soubbarotina (Chủ biên). *Không chỉ là tăng trưởng kinh tế–nhập môn về phát triển bền vững*. Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2005.
9. Thaddeus C. Trazyna (chủ biên). *Thế giới bền vững - định hướng và trách nhiệm phát triển bền vững*. Tài liệu dịch của Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách khoa học công nghệ. Hà Nội, 2001.
10. Viện thông tin khoa học xã hội: *Tài liệu phục vụ nghiên cứu*, TN 99 - 29.
11. Vũ Tuấn Anh. *Phát triển bền vững: quan niệm và tình hình thực hiện trên thế giới và ở Việt Nam*. Bài tham luận tại Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững, Hà Nội, tháng 10/2005.
12. <http://www.vietnam.gov.vn/portal/page>.
13. <http://www.va21.org/vietnamese/index.php>.
14. <http://www.nea.gov.vn/html/khungphaply/all.htm>.